TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **102**/2019/DS - PT
Ngày: 19/7/2019
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán: Bà **Lê Thúy Cầu**

Ông **Nguyễn Xuân Điền**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Thái Văn Đoàn**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 664/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Lê Thị T**. Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh **Hồ Minh T6**. Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Võ Thị H** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông **Võ Việt H** và bà **Phạm Thị Ngọc L**. Cùng địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Ông H có mặt, bà L vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Việt H: Ông **Trần Thái N**, sinh năm 1994; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi (văn bản ủy quyền ngày 12/7/2019). Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị Ngọc L: Anh **Võ Quốc B.** Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh **Hồ Minh T6**. Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hồ Minh T6: Bà **Bùi Thị Thuyết A** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Chị **Hồ Thị Y**. Vắng mặt.

3. Chị **Hồ Thị T1**. Vắng mặt.

4. Chị **Hồ Thị T2**. Vắng mặt.

5. Anh **Hồ Nhật T3**. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Chị **Hồ Thị Ánh N**. Địa chỉ: tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

7. Anh **Hồ Thanh S**. Địa chỉ: tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

8. Anh **Hồ Nhật T4**. Địa chỉ: tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Y, chị T1, chị T2, anh T3, chị N, anh S và anh T4: Anh **Hồ Minh T6**. Có mặt.

9. Bà **Nguyễn Thị L1 (C)**. Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Anh **Võ Quốc B**. Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Quốc B: Ông **Trần Thái N**, sinh năm 1994; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi (văn bản ủy quyền ngày 12/7/2019), có mặt.

11. Ủy ban nhân dân huyện S.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đinh Thị Thanh H** - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện S. Địa chỉ: huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Từ Thanh K** - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (Theo văn bản uỷ quyền số: 03/GUQ-UBND

ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân huyện S). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Bà **Nguyễn Thị N1**. Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông **Lê Thanh S**. Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

* Người kháng cáo: Bị đơn - ông Võ Việt H, bà Phạm Thị Ngọc L và người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Ngọc L - anh Võ Quốc B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2017 của bà Lê Thị T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn mà người đại diện theo ủy quyền là anh Hồ Minh T6 trình bày:*

Nguyên nguồn gốc đất tranh chấp 2.445 m^2 tại đồi Trung tâm (nay gọi là xóm X) thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là của bố mẹ anh là ông Hồ Hữu T5 (chết năm 2008) và bà Lê Thị T khai hoang vào năm 1976 để trồng cây bạch đàn. Bố mẹ anh canh tác, sử dụng đến năm 1999 - 2000 thì núi X bị rạn nứt. Để đảm bảo an toàn cho dân, Ủy ban nhân dân huyện S có chủ trương di dời một số hộ có nguy cơ ảnh hưởng đến nơi ở mới (khu trung tâm X) nên có yêu cầu bố mẹ anh nhượng lại một phần đất để cho dân làm nhà ở và bố mẹ anh đã đồng ý nhượng lại. Năm 2007, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân xã S thì cha anh (ông T5) đã làm thủ tục kê khai, chỉ ranh giới, vị trí đất cho đoàn đo đạc của huyện. Ngày 25/12/2008, bố mẹ anh được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 576; Tờ bản đồ số 09; Diện tích là 2.445 m^2; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Vào năm 2016, anh phát hiện đất của cha mẹ anh bị vợ chồng ông Võ Việt H bà Phạm Thị Ngọc L lấn chiếm và anh đã báo với mẹ anh, mẹ anh (bà T) yêu cầu vợ chồng Ông H, bà L trả lại đất nhưng vợ chồng Ông H bà L không trả nên mẹ anh có làm đơn yêu cầu UBND xã S giải quyết nhưng không thành.

Nay, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Võ Việt H, bà Phạm Thị Ngọc L tự khai thác cây keo trên đất, giao trả lại cho mẹ anh là bà Lê Thị T diện tích 2.247 m^2 (diện tích đất đo thực tế ngày 12/01/2018), tọa lạc tại thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Thửa đất số: 576; Tờ bản đồ số: 09; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến ngày 25/12/2058. Ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm.

** Tại bản tự khai ngày 27/02/2017 và quá trình giải quyết vụ án của bị*

đơn ông Võ Việt H và bà Phạm Thị Ngọc L; người đại diện cho bà L là anh Võ Quốc B trình bày:

Nguyên nguồn gốc đất tranh chấp 2.445 m^2 (nằm trong diện tích đất khoảng 01 ha) tại đồi Trung tâm (nay gọi là xóm X) tọa lạc thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là của vợ chồng ông, bà khai hoang vào năm 1975, vợ chồng ông, bà trồng mía, mì, rau lang, đậu phụng và vợ chồng ông, bà có khai hoang thêm ruộng để trồng lúa. Đến năm 1990, vợ chồng ông, bà đi làm ăn ở S, huyện S, ông Hồ Hữu T5 có đến nhà vợ chồng ông, bà hỏi mượn đất để canh tác, khi nào vợ chồng ông, bà trở về lại xã S thì ông T5 trả lại đất. Năm 1994, vợ chồng ông, bà trở về lại quê nhà tại thôn H, xã S thì ông T5 và những người khác đã giao trả lại đất. Năm 2008, vợ chồng ông được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.946 m^2 tại Thửa đất số: 588; Tờ bản đồ số: 09; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác; Thời hạn sử dụng: Đến ngày 25/12/2058; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thửa đất số: 497; Tờ bản đồ số: 09; Diện tích 1.290 m^2 (đám đất ở vị trí khác). Vợ chồng ông, bà trồng keo từ đó đến nay, ông, bà không biết diện tích đất hộ bà Lê Thị T được Nhà nước cấp ở vị trí nào, vì vợ chồng ông, bà canh tác trên diện tích đất tranh chấp không thấy hộ bà T canh tác.

Nay anh Hồ Minh T6 đại diện cho bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông, bà tự khai thác cây keo trên đất, giao trả lại 2.247 m^2 đất cho bà Lê Thị T (diện tích đất được đo thực tế ngày 12/01/2018), toạ lạc tại thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vợ chồng ông, bà không đồng ý. Vì diện tích trên của vợ chồng ông, bà. Ngoài ra ông, bà không có ý kiến gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Võ Quốc B trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của cha anh là ông Võ Việt H. Ngoài ra, anh B trình bày thêm: Đối với diện tích đất anh nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị L1 (C) anh đồng ý cho cha mẹ anh tiếp tục sử dụng, canh tác.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày:*

Vào năm 1976, vợ chồng bà (nay chồng bà đã mất) cùng vợ chồng bà Lê Thị T, ông Võ Việt H, ông Trần Hồng Đ thấy khu vực đất đồi Trung tâm thuộc thôn H, xã S, huyện S chưa có ai khai hoang, canh tác, cây cối, lau lách rậm rạp do có nhiều bom đạn còn sót lại. Thấy vậy, một số hộ dân sống tại thôn H, xã S đến khai hoang, canh tác. Bà canh tác đến năm 2008 thì có Đoàn đo đạc của huyện S về đo đất cấp cho dân, bà cũng dẫn đoàn để chỉ đất thực tế; sau khi đo đạc xong bà vẫn tiếp tục canh tác đến năm 2010 thì chuyển nhượng lại cho anh Võ Quốc B (con Ông H). Vị trí đất của bà khai hoang, có giới cận: Phía Đông

giáp đất ông Hồ Hữu T5, phía Tây giáp đất hộ ông Võ Việt H, phía Nam giáp mương Thủy lợi và phía Bắc giáp đất ông Đinh Tấn M, diện tích khoảng 300 m^2. Đến khi bà T kiện Ông H và bà L thì bà mới biết diện tích đất của bà không được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tên bà mà lại cấp hết trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T và hộ Ông H.

Bà thấy việc Ủy ban nhân dân huyện S đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Việt H tại Thửa đất số: 588; Tờ bản đồ số 09; cấp ngày 25/12/2008 và hộ bà Lê Thị T tại Thửa đất số: 576; Tờ bản đồ số: 09 cấp ngày 25/12/2008 đã cấp chồng lên đất của bà là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Do đó, bà yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị T tại Thửa đất số: 576; Tờ bản đồ số: 09; Diện tích: 2.445 m^2 của Ủy ban nhân dân huyện S và hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Việt H tại Thửa đất số: 588; Tờ bản đồ số: 09; Diện tích: 1.946 m^2 của Ủy ban nhân dân huyện S để đo đạc và cấp cho bà diện tích đất đúng thực tế mà bà khai hoang, sử dụng theo quy định của pháp luật.

** Tại văn bản số: 30/BC-TNMT, ngày 30/3/2018 và biên bản làm việc của đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện S trình bày:*

Đối với diện tích đất đang tranh chấp 2.445 m^2 tại Thửa đất số: 576; Tờ bản đồ số: 09; Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 25/12/2008 giữa hộ bà Lê Thị T với hộ ông Võ Việt H, bà Phạm Thị Ngọc L thì việc Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ Hữu T5 và bà Lê Thị T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do khi đi kê khai, chỉ dẫn ranh giới để được cấp giấy chứng nhận thì hộ ông T5 và hộ Ông H đã chỉ ranh giới lấn qua đất của bà L1 dẫn đến đo đạc và cấp luôn 178 m^2 đất của bà L1 trong giấy chứng nhận của hộ ông Hồ Hữu T5, 70 m^2 đất của bà L1 trong giấy chứng nhận của hộ ông Võ Việt H. Do đó, việc bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu Tòa án hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thửa đất số: 576; Tờ bản đồ số: 09 của hộ bà Lê Thị T và Thửa đất số: 588; Tờ bản đồ số: 09 của hộ ông Võ Việt H đều được cấp ngày 25/12/2008 là có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Chị Y, chị T1, chị T2, chị N, anh S, anh T4, anh T3, anh Triều mà người đại diện là anh Hồ Minh T6 trình bày:* Các anh chị em của anh đều nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 147, 157, 158; khoản 1 Điều 165, 166; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 163; Điều 164; Điều 166; Điều 169 và Điều 274 Bộ luật dân sự; Điều 100, 166, 202 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị T về việc đòi vợ chồng ông Võ Việt H và bà Phạm Thị Ngọc L tự khai thác cây keo và giao trả 2.247 m^2 đất. Buộc vợ chồng ông Võ Việt H và bà Phạm Thị Ngọc L phải có nghĩa vụ tự khai thác cây keo và giao trả 2.247 m^2 đất cho hộ bà Lê Thị T (đã trừ 178 m^2 đất lấn của bà Nguyễn Thị L1) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 573203; Thửa đất số: 576; Tờ bản đồ số: 09; Diện tích: 2.445 m^2; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến ngày 25/12/2058 tại thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có giới cận:

+ Phía Đông giáp đất của ông Trần Hồng Đ và bà Nguyễn Thị N1;

+ Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị L1, đất của hộ ông Võ Việt H;

+ Phía Nam giáp mương nước;

+ Phía Bắc giáp đất của các ông Đinh C, ông Đinh T, ông Đinh N, ông Đinh P, ông Đinh L, ông Đinh G, ông Đinh R và hộ Hồ Hữu T5. Cụ thể ở các điểm: Từ điểm M 21, M 22, M 23, M 24, M 25, M 26, M 19, M 20, M 17, M 27, M 28, M 29, M 30, M 16, M 31, M 32.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 573203 ngày 25/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện S, tại Thửa đất số: 576; Tờ bản đồ số: 09; Diện tích 2.445 m^2 (nay là 2.247 m^2); Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến ngày 25/12/2058; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đã cấp cho hộ ông Hồ Hữu T5 và bà Lê Thị T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 573164 ngày 25/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện S, tại Thửa đất số: 588; Tờ bản đồ số: 09; Diện tích 1.945 m^2; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến ngày 25/12/2058; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đã cấp cho hộ ông Võ Việt H và bà Phạm Thị Ngọc L.

Bà Lê Thị T, vợ chồng ông Võ Việt H và bà Phạm Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị L1, anh Võ Quốc B, anh Hồ Minh T6 có quyền đến cơ quan chức

năng có thẩm quyền để làm lại thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Buộc ông Võ Việt H và bà Phạm Thị Ngọc L phải hoàn trả 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá cho bà Lê Thị T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, ông Võ Việt H, bà Phạm Thị Ngọc L và anh Võ Quốc B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị T về việc đòi vợ chồng ông Võ Việt H và bà Phạm Thị Ngọc L tự khai thác cây keo và giao trả 2.247 m^2 đất cho bà Lê Thị T.

2. Đề nghị sửa đổi mục 2 phần Quyết định của Bản án số 43/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 theo hướng:

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 573203 ngày 25/12/2008 của Uỷ ban nhân dân huyện S tại thửa đất số 576, tờ bản đồ Số 09, diện tích 2.447 m^2 (nay 2.247 m^2), mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng đến ngày 25/12/2058; địa chỉ thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Hồ Hữu T5 và bà Lê Thị T. Đồng thời xin Toà phúc thẩm xem xét để công nhận quyền sử dụng đất Diện tích 2.247 m^2 cho ông Võ Việt H, bà Phạm Thị Ngọc L thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này.

- Không chấp nhận việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 573164 ngày 25/12/2008 của Uỷ ban nhân dân huyện S tại thửa đất số 588, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.946 m^2, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng đến ngày 25/12/2058; địa chỉ thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đã cấp cho hộ ông Võ Việt H và bà Phạm Thị Ngọc L.

3. Không chấp nhận việc hoàn trả 3.000.000 đồng về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá cho bà Lê Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn, ông Trần Thái N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, như: Biên bản hòa giải cơ sở của UBND xã S không đúng thành phần quy định; Tòa án nhân dân huyện S đã chuyển hồ sơ vụ án lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhưng vẫn tiếp tục tiếp tục thu thập tài liệu chứng cứ và tiến hành hòa giải giữa các đương sự trong vụ án là không đúng và không đưa vợ anh Võ Quốc B vào

tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên đến vụ án theo yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L1.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Võ Việt H, bà Phạm Thị Ngọc L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Xét kháng cáo của ông Võ Việt H, bà Phạm Thị Ngọc L, nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại biên bản hòa giải của UBND xã S lập ngày 09/12/2016 (BL.14-16), với thành phần đại diện UBND xã gồm: Chủ tịch UBND xã, Cán bộ Tư Pháp, cán bộ Địa chính và Chủ tịch UBMT xã; có đại diện bên nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo đúng quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013.

[1.2] Ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân huyện S có Quyết định số 02/2017/QĐST-DS, chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Ngày 24/10/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có thông báo số 45/TB-TA chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện S tiếp tục giải quyết vụ án, nên Tòa án nhân dân huyện S tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ là đúng quy định.

[1.3] Bà Nguyễn Thị L1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có yêu cầu độc lập về nội dung yêu cầu hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị T tại Thửa đất số: 576; Tờ bản đồ số: 09; Diện tích: 2.445 m^2 của Ủy ban nhân dân huyện S và hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Việt H tại Thửa đất số: 588; Tờ bản đồ số: 09; Diện tích: 1.946 m^2 của Ủy ban nhân dân huyện S để đo đạc và cấp cho bà diện tích đất đúng thực tế mà bà khai hoang, sử dụng theo quy định của pháp luật. Nội dung yêu cầu này không liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L1 và vợ chồng anh B nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ anh B vào tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về diện tích đất tranh chấp: Trên cơ sở các Biên bản thẩm tra, xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất giữa ông Võ Việt H và ông Hồ Hữu T5 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S đối với các ông bà: Lê Chí P,

Đinh Văn C, Nguyễn Thị L1 và ông Lê Thanh S là những hộ có đất sản xuất lân cận, cùng thời điểm với ông Võ Việt H và ông Hồ Hữu T5 (BL. 222 - 231). Ngày 30/3/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S có Báo cáo số 30/BC-TNMT gửi Tòa án nhân dân huyện S, xác định: Thửa đất số 576, tờ bản đồ số 9 là do ông Hồ Hữu T5 (chồng bà Lê Thị T) khai hoang trước năm 1980, hộ ông T5 đã sử dụng và trồng cây bạch đàn đến khoảng năm 2003-2004 thì cho ông Lê Chí P mượn đất để sản xuất và trồng cây keo; sau khi trồng một thời gian thì bị người khác phá, nên ông P không chăm sóc nữa. Đến năm 2005, khi kiểm tra thấy đất bị ông Võ Việt H lấn chiếm nên ông T5 đã nhờ ông P làm đơn khiếu nại đến UBND xã S, nhưng không được giải quyết.

Năm 2007 tiến hành kê khai, đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quá trình đo đạc diện tích đất, đều do Ông H và ông T5 chỉ dẫn ranh giới, mốc giới. Sau đó Ông H và ông T5 làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong đó Ông H kê khai diện tích 1.946 m^2 (BL.146), ông T5 kê khai 2.445 m^2 (BL.146) và đến ngày 25/12/2008 cả hai ông đều được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với diện tích như các bên đã kê khai.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Lê Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xét thấy: Theo kết quả kiểm tra, đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất ngày 12/01/2018 (BL. 232-234), thì vào năm 2007, khi kê khai, chỉ dẫn ranh giới đo đạt thì ông T5 và Ông H đã chỉ dẫn ranh giới đều lấn qua phần diện tích đất của bà Nguyễn Thị L1 đang sử dụng, nên UBND huyện S đã cấp luôn diện tích 178 m^2 của bà L1 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T5 và 70 m^2 đất của bà L1 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông H (do đất của bà L1 nằm chính giữa đất của Ông H và ông T5), là xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà L1 và được UBND huyện S xác nhận có sai sót, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L1, hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật.

[2.3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, về việc yêu cầu vợ chồng ông Võ Việt H, bà Phạm Thị Ngọc L giao trả lại diện tích đất đang tranh chấp được chấp nhận, do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng Ông H, bà L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là đúng pháp luật.

Từ phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Việt H, bà Phạm Thị Ngọc

L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Võ Việt H, bà Phạm Thị Ngọc L thuộc diện hộ nghèo, nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bác kháng cáo của của ông Võ Việt H, bà Phạm Thị Ngọc L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 163; Điều 164; Điều 166; Điều 169 và Điều 274 Bộ luật dân sự; Điều 100, 166, 202 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Điều 34 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc vợ chồng ông Võ Việt H và bà Phạm Thị Ngọc L phải có nghĩa vụ tự khai thác cây keo và giao trả 2.247 m^2 đất cho hộ bà Lê Thị T (đã trừ 178 m^2 đất lấn của bà Nguyễn Thị L1) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 573203; Thửa đất số: 576; Tờ bản đồ số: 09; Diện tích: 2.445 m^2, tại thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có giới cận:

+ Phía Đông giáp đất của ông Trần Hồng Đ và bà Nguyễn Thị N1;

+ Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị L1, đất của hộ ông Võ Việt H;

+ Phía Nam giáp mương nước;

+ Phía Bắc giáp đất của các ông Đinh C, ông Đinh T, ông Đinh N, ông Đinh P, ông Đinh L, ông Đinh G, ông Đinh R và hộ Hồ Hữu T5. Cụ thể ở các điểm: Từ điểm M 21, M 22, M 23, M 24, M 25, M 26, M 19, M 20, M 17, M 27, M 28, M 29, M 30, M 16, M 31, M 32.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 573203 ngày 25/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện S, tại Thửa đất số: 576; Tờ bản đồ số: 09; Diện tích 2.445 m^2 tại thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đã cấp cho hộ ông Hồ Hữu T5 và bà Lê Thị T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 573164 ngày 25/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện S, tại Thửa đất số: 588; Tờ bản đồ số: 09; Diện tích 1.945 m^2, tại thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đã cấp cho hộ ông Võ Việt H và bà Phạm Thị Ngọc L.

Bà Lê Thị T, vợ chồng ông Võ Việt H và bà Phạm Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị L1, có quyền liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm lại thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Buộc ông Võ Việt H và bà Phạm Thị Ngọc L phải hoàn trả 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá cho bà Lê Thị T.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Võ Việt H, bà Phạm Thị Ngọc L.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào